TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2017/DS-ST
Ngày: 15- 9- 2017
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chương

Ông Phạm Công Hạ

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Quyên - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2017 về tranh chấp chia di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2017/QĐST-DS ngày 10/7/2017 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976; cư trú tại: Thôn 7 M, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H,sinh năm 1982; cư trú tại: Thôn 7 M, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 05/12/2016), vắng mặt.

-*Bị đơn*: Cụ Nguyễn Thị L, sinh năm 1937; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 7 M, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt.

-*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số nhà 220 A, đường K, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; cư trú tại: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ dân phố K, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1973; cư trú tại: Thôn 7 M, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cụ Nguyễn Thị L, sinh năm 1940; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn 7 M, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L (Văn bản ủy quyền ngày 06/9/2016) có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2016, các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày:

Cụ Nguyễn Cảnh Đ và cụ Nguyễn Thị L là vợ chồng, hai cụ có tất cả 06 người con gồm Nguyễn Văn C, sinh năm 1960, Nguyễn Thị L, sinh năm 1963, Nguyễn Thị L, sinh năm 1966, Nguyễn Thị L, sinh năm 1971, Nguyễn Thành L, sinh năm 1973, Nguyễn Văn C, sinh năm 1976. Khi còn sống, cụ Đ và cụ L có khối tài sản là diện tích đất 747m^2 tại thửa đất số 399A, tờ bản đồ số 01 đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00792 ngày 26/4/2006 cho ông Nguyễn Cảnh Đ và vợ là bà Nguyễn Thị L. Cụ Đ và cụ L đã chia cho hai con là Nguyễn Thành L và Nguyễn Văn C mỗi người một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 399A, diện tích đất của anh Long và anh C đều đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần diện tích đất 358,3m^2 và tài sản gắn liền trên đất còn lại thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ Nguyễn Cảnh Đ và Nguyễn Thị L. Đến năm 2011 cụ Đ mất, khi mất cụ Đ không để lại di chúc. Nay anh khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đ để lại trong khối tài sản chung với cụ Nguyễn Thị L theo quy định của pháp luật. Anh C khẳng định hàng thừa kế của cụ Đ gồm cụ Nguyễn Thị L và 06 người con là Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn C ngoài ra không còn ai khác.

Tại các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là cụ Nguyễn Thị L trình bày: Cụ và chồng là Nguyễn Cảnh Đ có mua và tôn tạo được một diện tích đất tại thửa đất số 399A, tờ bản đồ số 01 thuộc Thôn Mỹ Giang, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Khi cụ Đ còn sống thì hai cụ đã tự nguyện cho hai con là Nguyễn Thành L và Nguyễn Văn C mỗi người một phần diện tích đất nằm trong thửa đất số 399A và diện tích đất của anh C và anh Long đều đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần diện tích đất còn lại có chiều rộng khoảng 10m, diện tích 358,3m^2 và tài sản gắn liền trên đất gồm 01 căn nhà cấp 4, 01 công trình phụ đã hư hỏng, 01 bể nước, 01 giếng nước, 01 cây nhãn thuộc quyền sử dụng của vợ chồng cụ. Đến năm 2011 cụ Đ mất không để lại di chúc để phần di sản thừa kế cho ai. Nay anh Nguyễn

Văn C khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Đ mất để lại cụ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Cụ L khẳng định hàng thừa kế của cụ Đ gồm cụ Nguyễn Thị L và 06 người con là Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn C ngoài ra không còn ai khác.

Các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L khai: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn C, bị đơn là cụ Nguyễn Thị L và đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Đ để lại theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai thể hiện: Cụ Nguyễn Cảnh Đ và cụ Nguyễn Thị L là vợ chồng, hai cụ có tất cả 06 người con gồm Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn C. Cụ Nguyễn Cảnh Đ và cụ Nguyễn Thị L có khối tài sản là diện tích đất khoảng 2000 m^2 bao gồm đất trong bìa đỏ và đất lấn chiếm không có trong bìa đỏ tại thôn 7, Mỹ Giang, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình sử dụng thì cụ Đ và cụ L đã chia cho hai con là Nguyễn Thành L và Nguyễn Văn C mỗi người một diện tích đất khoảng 10 m mặt đường liên xã chiều rộng và đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất còn lại thuộc quyền quản lý của cụ Đ và cụ L, sau đó gia đình đã họp và di chúc lại cho anh Nguyễn Văn C 01 lô đất có chiều rộng là 5m mặt đường. Nay anh Nguyễn Văn C khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Cảnh Đ để lại thì quan điểm của anh là giữ lại phần đất anh được chia để làm nơi thờ cúng còn nếu bán thì chia đều cho các anh chị em.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thành L vắng mặt tại phiên tòa nhưng cũng đã có lời khai thể hiện: Cụ Nguyễn Cảnh Đ và cụ Nguyễn Thị L là vợ chồng, hai cụ có tất cả 06 người con gồm Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn C. Cụ Đ và cụ L có khối tài sản là 747,3m^2, một ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ tại địa chỉ Thôn 7, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Sau đó cụ Đ và cụ L có chia cho con Nguyễn Thành L và con Nguyễn Văn C mỗi người một phần diện tích đất và đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi cụ Đ mất đi không để lại di chúc phần di sản cho ai. Nay anh Nguyễn Văn C khởi kiện thì quan điểm của anh là chia di sản của cụ Đ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự. Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 26; Điều 227; Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 633, 634, 635, 675, 676, 685 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 623 bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phần di sản của cụ Đ để lại được tính theo kết quả định giá và chia đều cho cụ L và các anh C, chị L, chị L, chị L, anh L, anh C; giao cho cụ L tiếp tục quản lý, sử dụng phần tài sản và có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các đương sự và lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn C là chị Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng anh C có mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Thành L, chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị H.

[2].Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3].Về thời hiệu: Cụ Nguyễn Cảnh Đ mất ngày 14/11/2011, ngày 20/12/2016 anh Nguyễn Văn C có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế, theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu chia di sản thừa kế vẫn còn và thời điểm mở thừa kế của cụ Đ là ngày 14/11/2011.

[4].Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Cảnh Đ mất đi để lại:

[5].Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn C, bị đơn là cụ Nguyễn Thị L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thành L đều khẳng định: Cụ Nguyễn Cảnh Đ và cụ Nguyễn Thị L là vợ chồng, có tất cả 6 người con là Nguyễn Văn C, sinh năm 1960, Nguyễn Thị L, sinh năm 1963, Nguyễn Thị L, sinh năm 1966, Nguyễn Thị L, sinh năm 1971, Nguyễn Thành L, sinh năm 1973, Nguyễn Văn C, sinh năm 1976 còn ngoài ra không còn ai

khác. Do vậy xác định hàng thừa kế của cụ Nguyễn Cảnh Đ bao gồm cụ Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thành L và anh Nguyễn Văn C.

[6].Năm 2011 cụ Đ mất, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn C, bị đơn là cụ Nguyễn Thị L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thành L đều khẳng định cụ Đ mất đi không để lại di chúc phần di sản thừa kế cho ai. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn C có lời khai cụ Đ mất đi có để lại di chúc là bản "Giấy chứng nhận quyền thừa kế đất" ngày 07/12/2010 có chữ ký của cụ Nguyễn Cảnh Đ, cụ Nguyễn Thị L và các con nhưng chỉ là bản pho to, không phải là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Văn C nhưng anh Chiến không có mặt. Tòa án cũng đã có quyết định yêu cầu các bên có liên quan cung cấp cho Tòa án bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp của bản "Giấy chứng nhận quyền thừa kế đất" ngày 07/12/2010 nhưng không bên nào cung cấp được. Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn C, bị đơn là cụ Nguyễn Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thành L đều có lời khai khẳng định cụ Đ mất đi không để lại di chúc. Mặt khác anh Nguyễn Văn C cũng có lời khai thể hiện quan điểm chia di sản thừa kế để lại cho đều các anh chị em. Do vậy không có căn cứ chấp nhận lời khai của anh Nguyễn Văn C về việc cụ Đ mất đi có để lại di chúc, vì vậy việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Cảnh Đ theo quy định của pháp luật.

[7].Về di sản của cụ Nguyễn Cảnh Đ mất đi để lại: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định tài sản của cụ Nguyễn Cảnh Đ và cụ Nguyễn Thị L là quyền sử dụng 358,3m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thôn 7, Mỹ Giang, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Hội đồng xét xử xét như sau:

[8].Về nguồn gốc sử dụng đất: Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên thể hiện tại sổ mục kê năm 1985 thì cụ Đ và cụ L có diện tích đất là 1.152 m^2, trong đó có 960 m^2 là đất thổ cư còn 192m^2 là đất đã đóng lệ phí chuyển đổi thuộc thửa đất số 399, tờ bản đồ số 04 tại địa chỉ Thôn 7, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Diện tích này đã được cụ Đ và cụ L tách chia cho anh Nguyễn Thành L diện tích đất là 215,6m^2 thửa đất số 399b, tờ bản đồ số 01 (thực tế là tờ bản đồ số 04) và đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số AĐ075726 ngày 28/2/2006. Ngày 26/4/2006 cụ Đ và cụ L được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 747,3 m^2 tại thửa đất 399a, tờ bản đồ số 01 (thực tế là tờ bản đồ số 04). Năm 2009 cụ Đ và cụ L chia cho anh Nguyễn Văn C 389 m^2 thửa đất số 399A-1, tờ bản đồ số 04 và đã được Ủy ban nhân

dân huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số AN465200 ngày 11/5/2009. Vì vậy xác định diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cụ Đ và cụ L còn lại là 358,3m2 tại thửa đất số 399a, tờ bản đồ số 01 (thực tế tờ bản đồ số 04), địa chỉ: Thôn Mỹ Giang, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[9].Về di sản thừa kế của cụ Nguyễn Cảnh Đ để lại: Quyền sử dụng diện tích 358,3m^2 đất thuộc quyền sử dụng của cụ Nguyễn Cảnh Đ và Nguyễn Thị L. Do cụ Nguyễn Cảnh Đ và cụ Nguyễn Thị L là vợ chồng nên xác định đây là tài sản chung vợ chồng, vì vậy cụ Đ và cụ L mỗi người có quyền sở hữu ½ diện tích đất, cụ thể mỗi người có quyền sở hữu 179,15m^2 đất. Như vậy di sản thừa kế của cụ Đ để lại là 179,15m^2 đất. Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thấy rằng diện tích 358,3m2 tại thửa đất số 399a,tờ bản đồ số 01 (thực tế tờ bản đồ số 04) tại thôn 7, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có phía Bắc giáp với mặt đường liên xã có chiều rộng là 10m nên có thể chia làm hai lô đất vẫn đảm bảo quyền sử dụng. Tuy nhiên, trên đất có 01 tài sản là căn nhà cấp 4 do cụ Đ và cụ L xây dựng từ năm 1995 hiện nay vẫn do cụ L quản lý và sử dụng. Các đồng thừa kế khác đều khai đã có nơi ở ổn định, vì vậy khi chia đôi thửa đất cần đảm bảo giữ lại được ngôi nhà cũng như giá trị sử dụng của thửa đất. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho cụ L quản lý sử dụng phần diện tích đất là 187,15 m^2 mà trên đó có cả phần tài sản là ngôi nhà cấp 4 (bao gồm các mốc 1-2-3-4-5-6-9-10-11-12-1 theo sơ đồ kèm theo). Do phần diện tích đất giao cho cụ L nhiều hơn so với phần diện tích đất thuộc quyền sở hữu của mình trong khối tài sản chung vợ chồng là 187,15 m^2 -179,15m^2 = 8m^2 x 3.000.000 đồng/m^2 = 24.000.000 đồng nên cụ L cần thanh toán khoản chênh lệch này cho các đồng thừa kế của cụ Đ, cụ thể là 24.000.000 đồng/7 = 3.428.000 đồng/người.

[10].Như vậy phần di sản là quyền sử dụng đất của cụ Đ để lại có diện tích là 171,15 m^2(bao gồm các mốc 2-7-8-9-6-5-4-3-2-7 theo sơ đồ kèm theo). Hàng thừa kế của cụ Đ gồm 07 người là cụ Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thành L và anh Nguyễn Văn C nên nếu chia diện tích đất trên ra làm 7 phần thì không đảm bảo giá trị sử dụng do vậy cần tính trị giá bằng tiền để chia đều cho các đồng thừa kế. Theo kết quả định giá thì 01m^2 đất có giá là 3.000.000 đồng, vậy 171,15 m^2 x 3.000.000 đồng/m^2 = 513.450.000 đồng /7 = 73.350.000 đồng. Do cụ L phải thanh toán khoản chênh lệch diện tích đất cho các đồng thừa kế nên mỗi đồng thừa kế còn lại mỗi người được hưởng 73.350.000 + 3.428.000 = 76.778.000 đồng. Tại phiên tòa, cụ L nhận trực tiếp quản lý, sử dụng đối với diện tích 171,15 m2 đất đồng thời có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế khác khoản tiền tương ứng với phần di sản họ được nhận. Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn C, người có quyền lợi liên quan là chị Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L thống nhất với ý kiến của cụ L, chị Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng có giấy ủy

quyền cho cụ L. Do đó xét đề nghị của cụ L là có cơ sở, cần chấp nhận.

[11].Về tài sản trên đất gồm có 01 ngôi nhà cấp 4 trị giá 27.000.000 đồng; 01 bể nước nhỏ có nắp trị giá 1.500.000 đồng, 01 cây nhãn trị giá 500.000 đồng (theo kết quả của hội đồng định giá). Các tài sản này cũng được xác định là tài sản chung vợ chồng của cụ Nguyễn Cảnh Đ và cụ Nguyễn Thị L nên cụ L có quyền được sở hữu ½ trong tổng số khối tài sản này, còn lại ½ chia đều cho các hàng thừa kế. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, hiện phần tài sản là căn nhà hiện cụ L vẫn đang quản lý, sử dụng do vậy cần tiếp tục giao cho cụ L sử dụng và cụ L có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch cho các đồng thừa kế của cụ Đ. Cụ thể tổng trị giá tài sản trên đất là 27.000.000 đồng + 1.500.000 đồng + 500.000 đồng = 29.000.000 đồng. Cụ L được sở hữu ½ = 14.500.000 đồng, ½ trị giá tài sản còn lại chia đều cho các đồng thừa kế thì mỗi người được hưởng 14.500.000 đồng/7 = 2.071.000 đồng. Do cụ L nhận quản lý diện tích đất như đã nêu ở trên do vậy cần giao hết số tài sản trên đất này cho cụ L quản lý và cụ L có trách nhiệm thanh toán khoản tiền tương ứng với phần di sản họ được nhận.

Từ những phân tích ở trên mỗi đồng thừa kế của cụ Đ sẽ được nhận phần di sản thừa kế là: 73.350.000 + 3.428.000 + 2.071.000 = 78.849.000 đồng.

[12].Về án phí: Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội thì cụ Nguyễn Thị L được miễn nộp tiền án phí; anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thành L và anh Nguyễn Văn C mỗi người phải nộp 3.942.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn C được trừ vào số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, anh C còn phải nộp 2.962.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Áp dụng khoản 5 Điều 26; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 633, 634, 635, 674, 675, 676, 685 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng diện tích 179,15m^2 đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 399a, tờ bản đồ số 01(thực tế là tờ bản đồ số 04) tại thôn 7, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng do cụ Nguyễn Cảnh Đ chết đi để lại.

Cụ Nguyễn Thị L được quyền sử dụng diện tích đất 358,3m^2 đất (bao gồm 187,15m2 đất của cụ L và 171,15m^2 đất của cụ Đ) có các mốc giới 1-2-7-8-9-10-11-12-1 (theo sơ đồ kèm theo bản án) và các tài sản gắn liền trên đất gồm 01 căn nhà cấp 4, 01 bể nước và 01

cây nhãn. Cụ Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thành L và anh Nguyễn Văn C mỗi người số tiền là 78.849.000 đồng (Bẩy mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Cụ Nguyễn Thị L được miễn nộp tiền án phí; anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thành L và anh Nguyễn Văn C mỗi người phải nộp 3.942.000 đồng (Ba triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn C được trừ vào số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000624 ngày 10/1/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, anh C còn phải nộp 2.962.000 đồng (Hai triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

**Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**Về quyền yêu cầu thi hành án:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang